

**CÔNG TY TNHH NHÂN SỰ IFN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHÂN SỰ IFN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IFN VIET NAM PERSONNEL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110659476

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11/28 đường Dương Khuê, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 093.567.2999

Fax:

Email: trongnhan.ktkt@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ đấu giá, đại lý chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, tư vấn pháp luật)                                                         | 4610     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                | 8230     |
| 3.  | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết:<br>- Đóng gói đồ rắn                                                                                                                                                                                             | 8292     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)<br>(Trừ dịch vụ lấy lại tài sản, máy thu tiền xu đỗ xe, hoạt động đấu giá độc lập, quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ) | 8299     |
| 5.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                               | 8511     |
| 6.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                              | 8512     |
| 7.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                              | 8521     |
| 8.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                       | 8522     |
| 9.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                   | 8523     |
| 10. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                 | 8531     |
| 11. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                              | 8532     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8541 |
| 13. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8542 |
| 14. | <p>Giáo dục thể thao và giải trí</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...);</li> <li>- Dạy thể thao, cắm trại;</li> <li>- Hướng dẫn cổ vũ;</li> <li>- Dạy thể dục;</li> <li>- Dạy cưỡi ngựa;</li> <li>- Dạy bơi;</li> <li>- Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp;</li> <li>- Dạy võ thuật;</li> <li>- Dạy chơi bài;</li> <li>- Dạy yoga</li> </ul>                                                                                                           | 8551 |
| 15. | <p>Giáo dục văn hoá nghệ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác;</li> <li>- Dạy hội hoạ;</li> <li>- Dạy nhảy;</li> <li>- Dạy kịch;</li> <li>- Dạy mỹ thuật;</li> <li>- Dạy nghệ thuật biểu diễn;</li> <li>- Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                            | 8552 |
| 16. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Đào tạo tự vệ;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> | 8559 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục,<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                                                         | 8560 |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7020 |
| 19. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310 |
| 20. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7320 |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7410 |
| 22. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết:<br>- Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại: Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch<br>(Trừ hoạt động của phóng viên ảnh, hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                               | 7420 |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch;<br>- Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...<br>(Không bao gồm hoạt động tư vấn chứng khoán và hoạt động báo chí) | 7490 |
| 24. | In ấn<br>(Không bao gồm các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811 |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5510 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 27. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;<br>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. | 5629        |
| 28. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm hoạt động trong quán bar, karaoke, vũ trường,...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5630        |
| 29. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim video (+Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh +Trừ hoạt động báo chí theo Điều 14 Luật Báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5911        |
| 30. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết:<br>- Tìm kiếm, lựa chọn, giới thiệu và sắp xếp lao động bao gồm cả quản lý;<br>- Hoạt động của các hãng tìm kiếm diễn viên;<br>- Hoạt động của các hãng tuyển dụng lao động trên mạng.<br>- Hoạt động dịch vụ việc làm (Trừ trung tâm dịch vụ việc làm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7810        |
| 31. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7820        |
| 32. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7830(Chính) |
| 33. | Đại lý du lịch<br>(Trừ kinh doanh dịch vụ lữ hành)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7911        |
| 34. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7912        |
| 35. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8211        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HÀ TRỌNG NHÂN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 04/06/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038090004707

Ngày cấp: 23/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: CH0806 tòa CT3 chung cư Xuân Mai, Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: E4.1610 Tòa nhà CT8, Chung cư Emerald, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Ho và tên: HÀ TRONG NHÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 04/06/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038090004707

Ngày cấp: 23/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: CH0806 tòa CT3 chung cư Xuân Mai, Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: E4.1610 Tòa nhà CT8, Chung cư Emerald, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội